TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HS-ST
Ngày 12 – 01 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Cường;

2. Ông Trịnh Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 334/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Bùi Quốc L, sinh năm 1990, tại tỉnh Trà Vinh nay là tỉnh Vĩnh Long. Thường trú: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Phụ xe tải; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Quang T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970; vợ tên Trần Thị Trúc Đ, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2024 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác: C), sinh năm 1991, tại tỉnh Gia Lai. Thường trú: Số A đường Q, tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai nay là phường A, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở: Số A đường C, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phụ xe; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968 (đã chết)

và bà Lê Thị E, sinh năm 1975; tình trạng hôn nhân: đã ly hôn; có 02 con (lớn sinh năm 2020 và nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 01/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù vê tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo theo Bản án số 17/2009/HSST (nộp án phí ngày 25/8/2009).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2024 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến: Ông Lê Văn L1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/7/2024, Bùi Quốc L thuê phòng số 27 tại nhà nghỉ A, số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) để ở. Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26/7/2024, Bùi Quốc L gọi cho Nguyễn Văn T2, rủ T2 đến phòng số 27 nhà nghỉ A, nơi L đang thuê phòng, mục đích L rủ T2 đến chơi và nhờ T2 đưa lại ví của L. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, T2 đến phòng số 27 nhà nghỉ A gặp L. Trong lúc nói chuyện, L hỏi T2 có còn sử dụng ma tuý không và đề nghị T2 góp tiền mua ma túy loại đá để cùng sử dụng thì T2 đồng ý và T2 đưa L 150.000 đồng để mua ma tuý.

Do vào ngày đến thuê nhà nghỉ, L có gặp T3 (không rõ nhân thân, lai lịch) đang thuê nhà nghỉ gần khu vực nhà nghỉ A và biết T3 có sử dụng ma túy nên L đi xuống trước nhà nghỉ A tìm gặp T3, nhờ T3 mua dùm 200.000 đồng ma túy loại đá (L góp thêm 50.000 đồng) thì T3 đồng ý. Lúc này, T3 gọi điện thoại cho đối tượng không rõ để hỏi mua ma túy cho L. Sau đó, T3 hướng dẫn L đến khu vực chùa C1 thuộc phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) sẽ có người bán ma túy cho L. Đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, L đi bộ từ nhà nghỉ A đến khu vực trước Bệnh viện H để đón xe mô tô chở khách đi đến khu vực chùa C1. Khi đến khu vực chùa C1 thì L gặp một người đàn ông đeo khẩu trang, đi xe mô tô loại Wave RS (không rõ biển số) đến gặp hỏi L "phải chỗ T3 gọi tới lấy đồ không" thì L trả lời "đúng" thì được người này bán cho L 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng (loại ma túy đá) và 01 nỏ thuỷ tinh (bên trong còn một ít ma tuý loại đá đã bị đốt lên thành chất màu nâu) gắn vào ống hút và nắp nhựa; L đưa cho người này 200.000 đồng tiền mặt.

Sau khi mua ma túy, L quay về phòng số 27 tại nhà nghỉ A, L để bộ dụng cụ và ma túy trên bàn gỗ trong nhà nghỉ. L tự chế bộ dụng cụ sử dụng ma tuý loại đá, rồi đổ một phần ma tuý loại đá vào nỏ thuỷ tinh, đốt ma tuý trong nỏ thuỷ tinh chuẩn bị sử dụng thì bị Công an phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) kiểm tra, phát hiện, bắt, giữ. Lượng ma túy còn lại trong túi nylon vẫn đang để trên bàn trong phòng số 27. Trong suốt quá

trình L chế bộ D sử dụng ma túy và đổ ma túy vào nỏ thủy tinh, đốt ma túy để chuẩn bị sử dụng thì T2 đều chứng kiến.

Tang vật thu giữ: 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm có 01 nỏ thủy tinh (bên trong có chất màu nâu), 01 chai nhựa, 01 ống hút nhựa và 01 bật lửa.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Văn T2, phòng trọ số B, nhà A, đường C - Khu dân cư A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), không phát hiện, thu giữ gì khác.

Kết quả xét nghiệm ma túy L, T2 đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số: 3612/KL-KTHS(MT) ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Phòng K Công an Thành phố H), kết luận:

- Tinh thể màu nâu trong 01 (một) nỏ thuỷ tinh gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là M1= 0,0623 gam,

- 01 (một) gói nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,1514 gam.

Tại Bản Cáo trạng số: 114/CT-VKS-KV16 ngày 16 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn T2 và Bùi Quốc L về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 255 và điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Bùi Quốc L mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 (một) bì thư niêm phong có ghi số 3612/PC09 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Phòng K Công an Thành phố H) là mẫu vật hoàn lại sau giám định và 01 nỏ thủy tinh là vật cấm nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa, 01 ống hút nhựa và 01 bật lửa, sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với đối tượng tên "Tèo" và đối tượng bán ma túy cho Bùi Quốc L do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên, Cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm Sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người chứng kiến ông Lê Văn L1. Tuy nhiên, ông L1 đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của người chứng kiến không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người chứng kiến.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 27/7/2024, Kết luận giám định số: 3612/KL-KTHS(MT) ngày 02/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Phòng K Công an Thành phố H) và các chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 26/7/2024 tại phòng số 27, nhà nghỉ A, số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) Bùi Quốc L đã có hành vi cung cấp địa điểm, chuẩn bị công cụ và góp tiền cùng Nguyễn Văn T2 mua ma túy để T2 và L đưa trái phép chất ma tuý vào cơ thể; Nguyễn Văn T2 đã có hành vi góp tiền mua ma túy để T2 và Bùi Quốc L đưa trái phép chất ma tuý vào cơ thể. Khi Bùi Quốc L và Nguyễn Văn T2 đang chuẩn bị đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể thì bị Công an kiểm tra, phát hiện, bắt, giữ cùng tang vật.

Hành vi của Bùi Quốc L và Nguyễn Văn T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo với tội danh, điều, khoản và điểm nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma tuý, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Ma túy là loại chất gây nghiện nguy hiểm, người sử dụng ma túy sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng đồng thời là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác, tạo nên ảnh hưởng xấu cho xã hội. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Xét thấy, đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo L là người chủ động rủ rê, cung cấp ma túy, công cụ sử dụng ma túy nên có vai trò cao hơn bị cáo T2.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều biết rõ tác hại của ma túy mà vẫn cố tình sử dụng. Bị cáo T2 đã từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản nhưng không xem đó là bài học để cải tạo bản thân trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý là thể hiện sự coi thường pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo L có vai trò cao hơn bị cáo T2 nhưng bị cáo T2 có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt bằng nhau đối với hai bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy đã áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 bì thư đã niêm phong ký hiệu 3612/PC09, bên trong có chứa

mẫu vật còn lại sau giám định là ma túy loại Methemphetamine gồm M1 = 0,00 gam và M2 = 0,1202 gam, là mẫu vật còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 nỏ thủy tinh và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa, 01 ống hút nhựa và 01 bật lửa. Đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Ma túy loại Methamphetamine thu giữ có tổng khối lượng 0,2137 gam (gồm ma túy trong nỏ thủy tinh là 0,0623 gam (M1) và ma túy trong túi nylon miệng kéo dính là 0,1514 gam (M2)), đây là số ma túy các bị cáo góp tiền để mua với mục đích sử dụng chung trong một lần, các bị cáo để toàn bộ khối lượng ma túy trên bàn (ma túy mua về đã được đổ một ít vào nỏ để sử dụng, số còn lại vẫn đựng trong gói nylon), khi các bị cáo chuẩn bị sử dụng thì bị phát hiện và bắt quả tang. Do đó, toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ là vật chứng của tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" nên không xem xét thêm hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy, đối với các bị cáo.

[10] Đối với đối tượng tên "Tèo" và đối tượng bán ma túy cho Bùi Quốc L do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[11] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, loại hình phạt, mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Quốc L và bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Bùi Quốc L 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy đối với: Khối lượng ma túy là 0,1202 gam, loại

Methamphetamine, là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) nỏ thủy tinh (Đựng trong 01 bì thư đã niêm phong ký hiệu 3612/PC09 (M1 = 0,00 gam và M2 = 0,1202 gam)

+ Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa, 01 ống hút nhựa và 01 bật lửa.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 03/01/2025)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Bùi Quốc L và bị cáo Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- THADS TP. Hồ Chí Minh (01);
- PV 06 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- PC 10 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú hoặc nơi phát hiện tội phạm (01);
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- THA hình sự (04);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (01);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư (02);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hải Nam